TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/DS-ST
Ngày: 10-10-2024
V/v tranh chấp hợp đồng ủy quyền
và tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Võ Thành Phước.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Triệu Hoàng Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng ủy quyền và tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1992 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P *và bà* Nguyễn Thị D*:* Bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, văn bản ủy quyền ngày 27/02/2023 (có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án).

- *Bị đơn:*

1. Bà Ngô Thị Ngọc T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Nguyễn Hoàng P1, sinh năm 1983.

Nơi thường trú: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Q1.

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S, số A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1*:* Ông Trần Văn Q, ông Phan Văn Dũng E, ông Nguyễn Hồng T2; cùng địa chỉ: Tầng F, tòa nhà P, số B U, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, văn bản ủy quyền ngày 07/10/2024 (Ông Trần Văn Q có mặt; ông Phan Văn Dũng E, ông Nguyễn Hồng T2 vắng mặt không có lý do).

2. Ông Nguyễn Hoàng T3, sinh năm 1982; địa chỉ số B Đường N, Khóm H, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số D ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 14 tháng 4 năm 2023 của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là bà Võ Thị Minh T trình bày:

Nguyên vào ngày 01/3/2021, ông P và bà D có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 – Phòng giao dịch Quận F – Chi nhánh G, Thành phố Hồ Chí Minh và có thế chấp 01 chiếc xe ô tô tải mang biển số đăng ký 71H-003.71, nhãn hiệu DOTHANH, số loại: IZ65-TMB, số máy: JE493ZLQ433101880, số khung: RPPMD17APKD002614, theo giấy chứng nhận xe số 71000559 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 02/3/2021 (sau đây gọi tắt là chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71). Thời hạn vay là 06 năm tính từ ngày 03/3/2021 đến 03/3/2027 là trả dứt vốn và lãi. Hình thức trả vốn và lãi như sau: "Cứ hằng tháng ông P và bà D trả vốn và lãi cho Ngân hàng số tiền dao động từ 6.500.000 đồng/tháng hoặc 6.600.000 đồng/tháng" do có sự tính lãi chênh lệch của Ngân hàng. Ông P và bà D thống nhất là đến ngày 03/3/2027 sẽ trả dứt nợ vay và lãi cho Ngân hàng. Ông P và bà D đóng được 12 tháng thì không có nhu cầu sử dụng xe nữa. Sau đó, được sự giới thiệu của bạn bè ông P và bà D quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Hoàng P1, bà Ngô Thị Ngọc T1, hai vợ chồng ông P1 và bà T1 có nhu cầu sử dụng xe tải, nên ông P và bà D thống nhất bán lại cho vợ chồng ông P1 và bà T1 với hình thức làm hợp đồng ủy quyền lại cho vợ chồng ông P1 và bà T1 sử dụng xe và đóng lãi phần còn lại của xe xong thì ông P1 và bà T1 có quyền sang tên xe qua tên mình, kể từ ngày ký hợp đồng ủy quyền thì xe và lãi do bên ông P1 và bà T1 chịu trách nhiệm. Sau khi ký hợp đồng thì ông P và bà D có nhờ anh Nguyễn Thanh L là tài xế xe chạy xe qua giao cho vợ chồng ông P1 và bà T1 vào ngày 15/6/2022. Kể từ ngày mua bán cho đến nay ông P và bà D không biết lý do gì ông P1 và bà T1 chỉ

đóng lãi cho Ngân hàng có 01 tháng và ngưng không đóng nữa. Mãi đến tháng 12/2022 ông P và bà D có nhận được giấy báo của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 – Phòng giao dịch Quận F – Chi nhánh G, Thành phố Hồ Chí Minh đòi nợ, thì ông P và bà D điện thoại và đến nhà nói chuyện với vợ chồng ông P1 và bà T1 nhưng vợ chồng ông P1 và bà T1 mặc nhiên nói: "Giờ không đóng lãi, mà xe cũng không giao trả muốn gì cứ đi kiện đi".

Ông P và bà D yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Hoàng P1 và bà Ngô Thị Ngọc T1 có trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 – Phòng giao dịch Quận F – Chi nhánh G, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền vay còn lại là 225.012.000 đồng và tiền lãi chậm trả phát sinh theo hợp đồng vay là 19.898.615 đồng. Tổng giá trị tài sản đang tranh chấp: 244.910.615. Ông P và bà D cam kết gửi đơn khởi kiện tại Tòa Á, tỉnh Sóc Trăng, ngoài ra không gửi đơn khởi kiện đến cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết.

Ngày 08/9/2023, Tòa án thụ lý đơn yêu cầu thay đổi nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D với yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng ủy quyền ngày 15/6/2022 từ ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D ký cho bà Ngô Thị Ngọc T1 tại văn phòng C1, địa chỉ tổ F đường N, khu vực B, phường L, quận B, thành phố Cần Thơ.

- Buộc ông Nguyễn Hoàng P1 và bà Ngô Thị Ngọc T1 có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D chiếc xe mang biển số 71H-033.71, nhãn hiệu DOTHANH, số loại IZ65-TMB, số máy JE493ZLQ433101880, số khung: RPPMD17APKD002614, theo giấy chứng nhận xe số 71000559 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 02/3/2021.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu. Ông P và bà D yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng P1 và bà Ngô Thị Ngọc T1 thực hiện theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 15/6/2022, có trách nhiệm liên đới trả tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 – Phòng giao dịch Quận F – Chi nhánh G, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền vay còn lại là 225.012.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng do ông P, bà D vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), tính đến ngày hôm nay (ngày 10/10/2024), tiền lãi suất phát sinh 105.787.427 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 330.799.426 đồng. Trường hợp Ngân hàng không đồng ý và Tòa án không chấp nhận buộc ông P1, bà T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì các nguyên đơn đồng ý trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và yêu cầu ông P1, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc, lãi tổng cộng là 330.799.426 đồng cho ông P, bà D theo như thỏa thuận khi ký hợp đồng ủy quyền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 8 năm 2024 và các lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Ngô Thị Ngọc T1 trình bày:

Bà T1 có mối quan hệ là người sống chung như vợ chồng với ông Nguyễn Hoàng P1. Theo nội dung văn bản ủy quyền ngày 15/6/2022 giữa ông Nguyễn

Hữu P, bà Nguyễn Thị D với bà T1, thì bà T1 có trả tiền thay ông P, bà D cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 thông qua việc bà T1 chuyển khoản vào tài khoản của ông P tại Ngân hàng có số tài khoản 006830092 vào các lần như sau: Ngày 16/6/2022 bà T1 chuyển khoản vào số tài khoản 006830092 với số tiền 6.260.000 đồng; ngày 11/7/2022 chuyển khoản vào số tài khoản 006830092 với số tiền 6.770.000 đồng; ngày 12/8/2022 chuyển khoản vào số tài khoản 006830092 với số tiền 6.690.000 đồng (chuyển 02 lần: 6.640.000 đồng và 50.000 đồng); ngày 17/9/2022 chuyển khoản vào số tài khoản 006830092 với số tiền 6.800.000 đồng. Ngoài ra, khi ký hợp đồng ủy quyền trên, thì bà T1 có giao cho ông P, bà D số tiền 70.000.000 đồng. Mục đích của việc ủy quyền này là ông P, bà D bán cho bà T1 chiếc xe ô tô tải có biển số đăng ký 71H-003.71 theo nội dung văn bản ủy quyền nêu trên.

Chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71 theo nội dung văn bản ủy quyền nêu trên, thì bà T1 đã cầm cố cho ông Nguyễn Hoàng T3, địa chỉ số B Đường N, Khóm H, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để nhận số tiền 70.000.000 đồng của ông T3 nhưng khi giao tiền, ông T3 chỉ giao cho bà T1 số tiền 65.000.000 đồng.

Trước yêu cầu của ông P, bà D yêu cầu bà T1 trả cho Ngân hàng số tiền vay còn lại là 225.012.000 đồng và lãi suất phát sinh thì bà T1 không đồng ý vì bà T1 không có vay tiền của Ngân hàng. Nay bà T1 có ý kiến như sau: Ông P, bà D trả lại cho bà T1 số tiền 70.000.000 đồng đã nhận và số tiền 05 lần bà T1 đã chuyển khoản để trả nợ cho Ngân hàng thay ông P, bà D, thì bà T1 trả lại chiếc xe có biển số đăng ký 71H-003.71 cho ông P, bà D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 10 năm 2023 và các lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Hoàng P1 trình bày:

Ông Nguyễn Hoàng P1 có mối quan hệ là người sống chung như vợ chồng với bà Ngô Thị Ngọc T1. Theo nội dung văn bản ủy quyền ngày 15/6/2022 giữa ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị D với bà Ngô Thị Ngọc T1, thì bà T1 có trả tiền thay ông P, bà D cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 thông qua việc bà T1 chuyển khoản vào tài khoản của ông P tại Ngân hàng có số tài khoản 006830092 vào các lần như sau: Ngày 16/6/2022 bà T1 chuyển khoản vào số tài khoản 006830092 với số tiền 6.260.000 đồng; ngày 11/7/2022 chuyển khoản vào số tài khoản 006830092 với số tiền 6.770.000 đồng; ngày 12/8/2022 chuyển khoản vào số tài khoản 006830092 với số tiền 6.690.000 đồng (chuyển 02 lần: 6.640.000 đồng và 50.000 đồng); ngày 17/9/2022 chuyển khoản vào số tài khoản 006830092 với số tiền 6.800.000 đồng. Ngoài ra, bà T1 có chuyển khoản thêm mấy lần nữa nhưng ông P1 không nhớ.

Chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71 theo nội dung văn bản ủy quyền nêu trên, thì bà T1 đã ký gửi cho ông Nguyễn Hoàng T3, địa chỉ số B Đường N, Khóm H, Phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh để nhận số tiền 70.000.000 đồng của ông T3.

Việc giao dịch ủy quyền giữa ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị D với bà Ngô Thị Ngọc T1 nên việc ông P, bà D khởi kiện theo nội dung hợp đồng ủy quyền của ông P, bà D thì do bà T1 quyết định. Ông P1 không có giao dịch với ông P, bà D nên ông P1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông P, bà D.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 08/4/2024, Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 *trình bày như sau:*

Ngày 01/3/2021, Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 – Phòng G1 ký với ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D hợp đồng tín dụng số 7662219.21 với nội dung Ngân hàng cho ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô mới 100% nhãn hiệu: DOTHANH, số loại: IZ65-TMB, phục vụ nhu cầu kinh doanh, thời hạn vay: 72 tháng, kể từ ngày 04/3/2021 đến ngày 03/3/2027. Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở trong kỳ + biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm.

Phương thức trả nợ:

- Nợ gốc: Hàng tháng hoàn trả tiền gốc là 4.166.000 đồng cùng với ngày thanh toán lãi, kỳ trả cuối cùng là 4.214.000 đồng.

- Nợ lãi: Hàng tháng vào ngày 10, kỳ trả ngày đầu tiên 10/04/2021.

- Trả phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.

- Ngày 03/03/2021, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D theo đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5753227.21 ngày 03/03/2021 với số tiền 300.000.000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với hợp đồng tín dụng.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Để bảo đảm tất cả các loại vay trên, ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D đã thế chấp cho Ngân hàng 01 xe ô tô, nhãn hiệu: DOTHANH, số loại: IZ65-TMB, màu: xanh, số khung: RPPMD17APKD002614, số máy JE493ZLQ433101880, biển số đăng ký: 71H-003.71, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71000559 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 02/03/2021 do Nguyễn Hữu P đứng tên chủ sở hữu. Tài sản được thế chấp theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 3642638.21 ngày 01/03/2021 và tài sản bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật.

Do ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng. Nay Ngân hàng yêu cầu như sau:

- Buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 10/10/2024 là 330.799.426 đồng. Trong đó, nợ gốc là 225.012.000 đồng, nợ lãi là 105.787.427 đồng.

- Ngân hàng được tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 11/10/2024 cho đến khi ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định hợp đồng tín dụng đã ký.

- Trong trường hợp ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D không trả nợ hoặc không trả hết nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng đề nghị Tòa tuyên xử bàn giao tài sản thế chấp là 01 xe ô tô, nhãn hiệu: DOTHANH, số loại: IZ65-TMB, màu: xanh, số khung: RPPMD17APKD002614, số máy JE493ZLQ433101880, biển số đăng ký: 71H-003.71, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 71000559 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 02/03/2021 do Nguyễn Hữu P đứng tên chủ sở hữu để Ngân hàng xử lý phát mãi thu hồi nợ.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản đảm bảo và xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

- Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô, nhãn hiệu: DOTHANH, số loại: IZ65-TMB, màu: xanh, số khung: RPPMD17APKD002614, số máy JE493ZLQ433101880, biển số đăng ký: 71H-003.71 là động sản nên trong trường hợp ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D không thực hiện việc trả lãi (tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn) cho Ngân hàng, thì Ngân hàng đề nghị Tòa án tuyên xử: Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản khác của ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D để thu hồi nợ.

Tại biên bản xác minh lập ngày 17/01/2024, ông Nguyễn Hoàng T3 *trình bày:*

Vào ngày 19/8/2022, thông qua "cò" giới thiệu, bà Ngô Ngọc T1 và ông Nguyễn Hoàng P1 có bán cho ông Nguyễn Hoàng T3 01 xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71 với giá là 70.000.000 đồng, có lập biên nhận bên bán là bà Ngô Ngọc T1 ghi địa chỉ tại xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà T1 và ông P1 có thỏa thuận với ông T3 thời hạn 01 tháng xin chuộc lại (thỏa thuận bằng lời nói) nhưng sau đó bà T1, ông P1 không chuộc lại chiếc xe ô tô tải trên nên ông T3 đã bán cho người khác tại Thành phố Hồ Chí Minh, không rõ tên, địa chỉ cụ thể vì bán thông qua "cò" giới thiệu. Khi bà T1, ông P1 bán xe thì giao luôn bộ hợp đồng ủy quyền của chủ xe và khi ông T3 bán lại xe cho người khác, ông T3 cũng giao toàn bộ hợp đồng ủy quyền trên cho người nhận mua xe (hợp đồng ủy quyền bà T1 giao là bản chính). Hiện nay ông T3 không có quản lý và cũng không biết chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71 đang ở đâu.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là các đương sự, người làm chứng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, hợp đồng ủy quyền giữa các nguyên đơn với bị đơn bà T1 lập ngày 15/6/2022 không có sự đồng ý của Ngân hàng nên hợp đồng trên vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền giữa các nguyên đơn với bị đơn bà T1 lập ngày 15/6/2022. Xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì các bên phải trả lại cho nhau những gì đã nhận nhưng do chiếc xe ô tô không còn, bị đơn T1 không trả được xe, không định giá được chiếc xe ô tô nên đề nghị xác định giá trị xe bằng giá trị xe khi thỏa thuận, theo giá trị của hợp đồng tín dụng số tiền nợ gốc còn lại là 225.012.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định giá trị còn lại của chiếc xe ô tô là 225.012.000 đồng. Khi ký hợp đồng, nguyên đơn cũng có một phần lỗi nên không chấp nhận yêu cầu bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn.

Về trách nhiệm liên đới: Nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Nguyễn Hoàng P1 cùng với bà T1 ký hợp đồng ủy quyền với ông P, bà D nên không có cơ sở chấp nhận.

Yêu cầu độc lập của Ngân hàng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng, buộc ông P, bà D phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tuyên bố hợp đồng ủy quyền lập ngày 15/6/2022 vô hiệu.

Buộc bà Ngô Thị Ngọc T1 trả cho ông P, bà D số tiền theo giá trị còn lại của chiếc xe ô tô theo giá trị còn lại của số tiền vốn gốc phải trả cho Ngân hàng là 225.012.000 đồng.

Buộc ông P, bà D trả cho Ngân hàng số tiền gốc còn nợ 225.012.000 đồng và tiền lãi suất 105.787.427 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 330.799.426 đồng.

Ông P, bà D không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng được xử lý tài sản thế chấp theo cam kết trong hợp đồng thế chấp.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện bà Ngô Thị Ngọc T1, cư trú tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và ông Nguyễn Hoàng P1, nơi thường trú ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ông P và bà D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T1 và ông P1 có trách nhiệm trả tiền cho Ngân hàng

thương mại cổ phần Q1 – Phòng giao dịch quận F - Chi nhánh G, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền vay nợ gốc còn lại là 225.012.000 đồng và số tiền lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Ông P và bà D đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho Ông P và bà D nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Ông P và bà D đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của Ông P và bà D là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Các nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng P1 và bà Ngô Thị Ngọc T1 thực hiện theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 15/6/2022, có trách nhiệm liên đới trả tiền cho Ngân hàng số tiền vay còn lại là 225.012.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng do ông P, bà D vay của Ngân hàng tính đến ngày hôm nay (ngày 10/10/2024), tiền lãi suất phát sinh 105.787.427 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 330.799.426 đồng. Trường hợp Ngân hàng không đồng ý và Tòa án không chấp nhận buộc ông P1, bà T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, thì các nguyên đơn đồng ý trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và yêu cầu ông P1, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc, lãi tổng cộng là 330.799.426 đồng cho ông P, bà D.

[4] Xét yêu cầu của các nguyên đơn về yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng P1 và bà Ngô Thị Ngọc T1 tiếp tục thực hiện theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 15/6/2022, có trách nhiệm liên đới trả tiền cho Ngân hàng số tiền vay còn lại là 225.012.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng do ông P, bà D vay của Ngân hàng tính đến ngày hôm nay (ngày 10/10/2024), tiền lãi suất phát sinh 105.787.427 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 330.799.426 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Ngô Thị Ngọc T1 thừa nhận có ký hợp đồng nhận ủy quyền vào ngày 15/6/2022 với ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D với nội dung: Ông P và bà D ủy quyền cho bà T1 nhận chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71, nhãn hiệu: DOTHANH, số loại: IZ65-TMB, màu: xanh, số khung: RPPMD17APKD002614, số máy JE493ZLQ433101880, biển số đăng ký: 71H-003.71, theo giấy chứng nhận xe số 71000559 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 02/3/2021, bà T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền vốn gốc vay còn nợ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số: 7662219.21 ngày 01/3/2021 do ông P, bà D đã ký với Ngân hàng. Mục đích của việc ủy quyền này là ông P, bà D bán cho bà T1 chiếc xe ô tô tải nêu trên. Sau khi ký hợp đồng ủy quyền, bà T1 có trả tiền

vay vốn gốc và lãi suất cho Ngân hàng thông qua việc bà T1 nộp tiền vào tài sản của ông P, bà D (số tài khoản 006830092) được 04 kỳ (tháng 6, 7, 8, 9 năm 2022), thì bà T1 nghỉ đóng cho đến nay và ông P, bà D cũng không có trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng, số tiền nợ gốc sau khi bà T1 trả vào kỳ tháng 9/2022 còn lại là 225.012.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận sau khi ký hợp đồng thì bị đơn có trả gốc, lãi cho Ngân hàng đến tháng 9 năm 2022 như bị đơn trình bày và số tiền nợ gốc còn lại là 225.012.000 đồng. Theo khoản 2, 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận lời trình bày nêu trên của bị đơn T1 là sự thật.

[5] Xét hợp đồng ủy quyền lập ngày 15/6/2022 giữa các nguyên đơn với bị đơn T1, Hội đồng xét xử xét thấy, các nguyên đơn ủy quyền chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71 nêu trên cho bị đơn T1. Tuy nhiên, chiếc xe ô tô tải trên các nguyên đơn vẫn còn đang thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 364263821 ngày 01/3/2021 để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 7662219.21 ngày 01/3/2021. Theo nội dung của hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 364263821 ngày 01/3/2021, tại tiểu mục 11.3.1 của Điều 11 có quy định "Bên B (ông P, bà D) không được chuyển nhượng bất cứ quyền, nghĩa vụ nào của mình theo hợp đồng này nếu không được bên A (Ngân hàng) chấp thuận trước bằng văn bản" và tại điểm a, tiểu mục 4.11 Điều 4 của hợp đồng tín dụng số 7662219.20 ngày 01/3/2021 kèm điều khoản và điều kiện cấp tín dụng có quy định "Bên được cấp tín dụng không được chuyển nhượng bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của mình theo tài liệu vay vốn nếu không được V (Ngân hàng) chấp thuận bằng văn bản". Trong trường hợp này ông P, bà D ủy quyền cho bà T1 chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71 và chuyển nghĩa vụ trả tiền nợ vay vốn gốc và tiền lãi suất cho Ngân hàng nhưng ông P, bà D không có thông báo cho Ngân hàng về việc ủy quyền chiếc xe đã thế chấp nêu trên cho bà T1, bà T1 có nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng và Ngân hàng cũng không có văn bản đồng ý và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cũng không đồng ý cho việc ủy quyền và việc chuyển giao nghĩa vụ trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông P, bà D sang cho bà T1 nên việc giao dịch ủy quyền giữa ông P, bà D với bà T1 vào ngày 15/6/2022 là trái pháp luật. Căn cứ vào Điều 116, điểm c khoản 1 Điều 117, Điều 122, Điều 123 của Bộ luật Dân sự, hợp đồng ủy quyền lập ngày 15/6/2022 giữa các nguyên đơn với bị đơn T1 là vô hiệu do vi phạm điều cấm của luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng P1 và bà Ngô Thị Ngọc T1 có trách nhiệm liên đới trả tiền cho Ngân hàng số tiền vay còn lại là 225.012.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng do ông P, bà D vay của Ngân hàng tính đến ngày hôm nay (ngày 10/10/2024), tiền lãi suất phát sinh 105.787.427 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 330.799.426 đồng.

[6] Xét yêu cầu của các nguyên đơn về yêu cầu: Trong trường hợp Ngân hàng không đồng ý và Tòa án không chấp nhận buộc ông P1, bà T1 có nghĩa vụ

trả nợ cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 225.012.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng là 105.787.427 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 330.799.426 đồng, thì các nguyên đơn đồng ý trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng và yêu cầu ông P1, bà T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc, lãi tổng cộng là 330.799.426 đồng cho ông P, bà D. Hội đồng xét xử xét thấy, do hợp đồng ủy quyền lập ngày 15/6/2022 vô hiệu nên căn cứ vào Điều 131 Bộ luật Dân sự quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu thì *"1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập; 2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình tạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả; 3. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó; 4. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường"*. Trong trường hợp này đáng lẽ các nguyên đơn trả lại cho bị đơn T1 số tiền đã nhận từ bà T1 và số tiền bà T1 đã nộp vào tài khoản của nguyên đơn để trả nợ cho Ngân hàng và bà T1 trả lại chiếc xe cho các nguyên đơn. Tuy nhiên chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71, bị đơn T1 trình bày đã thế chấp cho ông Nguyễn Hoàng T3, ông T3 trình bày bà T1 không có tiền chuộc xe nên ông T3 đã bán cho người khác không rõ họ tên địa chỉ của người này và cũng không biết chiếc xe ô tô trên hiện nay đang ở đâu. Như vậy, hiện nay bà T1 không quản lý và cũng không biết hiện nay chiếc xe ô tô trên đang ở đâu do đó bị đơn Thúy không thể hoàn trả được bằng hiện vật nên bị đơn T1 phải hoàn trả cho nguyên đơn trị giá thành tiền đối với chiếc xe ô tô nêu trên theo giá trị còn lại của số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng số 7662219.21 ngày 01/3/2021 giữa ông P, bà D đã ký vay nợ Ngân hàng và thế chấp giá trị chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71 để đảm bảo khoản tiền vay, đến nay theo hợp đồng tín dụng trên thì ông P, bà D còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc chưa trả là 225.012.000 đồng nên bà T1 phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông P, bà D trị giá thành tiền còn lại đối với chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71 với số tiền là 225.012.000 đồng. Do hợp đồng ủy quyền lập ngày 15/6/2022 là vô hiệu và hai bên đều có lỗi nên Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn đối với yêu cầu bị đơn T1 có trách nhiệm trả số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7662219.21 ngày 01/3/2021 là 105.787.427 đồng.

[7] Xét về trách nhiệm liên đới của ông P1 với bà T1, Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng ủy quyền lập ngày 15/6/2022 thì ông P, bà D ký ủy quyền cho bà T1; ông P1 không có ký vào hợp đồng ủy quyền, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông P1 cùng với bà T1 nhận ủy quyền chiếc xe trên và ông P1 cũng không thừa nhận cùng với bà T1 nhận ủy quyền chiếc xe ô tô tải trên nên yêu cầu Tòa án buộc ông P1 có trách nhiệm liên đới với bà T1 trả tiền cho ông P, bà D là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng đối với các nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thi D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[9] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn thừa nhận các nguyên đơn ông P, bà D có vay tiền của Ngân hàng theo hợp đồng

tín dụng số 7662219.21 ngày 01/3/2021 và tính đến ngày 10/10/2024 (ngày xét xử) còn nợ số tiền vốn gốc 225.012.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là 105.787.427 đồng. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân, Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật. Tuy nhiên người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại lãi suất quá hạn của Ngân hàng là quá cao 23,3%. Theo khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật" Như vây, trong Hợp đồng tín dụng nêu trên giữa Ngân hàng với ông P, bà D có thỏa thuận về lãi suất là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không đồng ý xem xét lại lãi suất cho các nguyên đơn nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét lại mức lãi suất này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng, buộc các nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc 225.012.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là 105.787.427 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi suất là 330.799.426 đồng.

[10] Xét yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký: Theo án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì "Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: Lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay mà đến thời điểm xét xử sơ thẩm khách hàng vay chưa thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng. Trường hợp này, khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng, tổ chức tín dụng khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi trên nợ gốc trong hạn (nếu có), lãi nợ quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định của án lệ số 08/2016/AL thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm các bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi suất mà ông P, bà D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1.

[11] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định "Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật" và theo khoản 1 Điều 299 Bộ luật Dân sự quy định về các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm thì "Đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ", theo khoản 6 Điều 320 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ của bên thế chấp "Giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 của Bộ luật này". Để đảm bảo khoản nợ vay tại Ngân hàng, ông P, bà D đã thế chấp: Xe ô tô, nhãn hiệu DOTHANH, số loại: IZ65-TMB, màu: xanh, số khung: RPPMD17APKD002614, số máy JE493ZLQ433101880, biển số đăng ký: 71H-003.71, theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 364263821 ngày 01/3/2021 tài sản này đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định. Hợp đồng thế chấp này hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu DOTHANH, số loại: IZ65-TMB, màu: xanh, số khung: RPPMD17APKD002614, số máy JE493ZLQ433101880, biển số đăng ký: 71H-003.71, thì trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự không xác định được hiện nay chiếc xe đang ở đâu nhưng chiếc xe ô tô tải nêu trên vẫn là tài sản thế chấp, nên việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với chiếc xe ô tô đã thế chấp nêu trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Đối với giao dịch dân sự cầm cố xe giữa bà Ngô Thị Ngọc T1 với ông Nguyễn Hoàng T3 là một quan hệ giao dịch dân sự khác. Trường hợp các bên có tranh chấp, thì giành quyền khởi kiện cho các bên để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết thành một vụ án dân sự khác.

[14] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1, 4, 6 Điều 26 và điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[14.1] Đối với yêu cầu của các nguyên đơn ông P, bà D về việc yêu cầu các bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng ủy quyền ngày 15/6/2022, các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 225.012.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng là 105.787.427 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 330.799.426 đồng nhưng Hội đồng xét xử tuyên bố hợp đồng ủy quyền ngày 15/6/2022 là vô hiệu nên các nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng và phải chịu 5.289.371 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi phát sinh (105.787.427 đồng) theo hợp đồng tín dụng không được chấp nhận.

[14.2] Bị đơn bà T1 phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản là hoàn trả trị giá còn lại của chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71 với số tiền là 225.012.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.250.600 đồng.

[14.3] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng nên các nguyên đơn ông P, bà D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.539.971 đồng.

[14.4] Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[14.5] Ông Nguyễn Hoàng P1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[14.6] Tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm các nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D phải nộp là 22.129.342 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.122.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009453 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011117 ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.707.342 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2, 3 Điều 92; khoản 1, 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 116; điểm c khoản 1 Điều 117; Điều 122, 123; Điều 131; khoản 1 Điều 299; khoản 6 Điều 320 và Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 1, 4, 6 Điều 26 và điểm b khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền lập và được chứng thực ngày 15 tháng 6 năm 2022 giữa bên ủy quyền là ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị D với bên nhận ủy quyền là bà Ngô Thị Ngọc T1 vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D về yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hoàng P1 và bà Ngô Thị Ngọc T1 tiếp tục thực hiện theo hợp đồng ủy quyền lập ngày 15/6/2022, có trách nhiệm liên đới trả tiền cho Ngân hàng số tiền vay còn lại là 225.012.000

đồng và tiền lãi phát sinh hợp đồng tín dụng do ông P, bà D vay của Ngân hàng, tính đến ngày 10/10/2024, lãi suất phát sinh 105.787.427 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 330.799.426 đồng.

3. Xử lý hợp đồng vô hiệu: Buộc bà Ngô Thị Ngọc T1 hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị D trị giá thành tiền còn lại đối với chiếc xe ô tô tải biển số đăng ký 71H-003.71 với số tiền là 225.012.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn ông P, bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị đơn bà T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D đối với yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị Ngọc T1 có trách nhiệm trả số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 7662219.21 ngày 01/3/2021 tính đến ngày 10/10/2024, với số tiền là 105.787.427 đồng.

5. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1. Xử buộc ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 7662219.21 ngày 01/3/2021 với số tiền vốn gốc là 225.012.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 105.787.427 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi suất là 330.799.426 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 11/10/2024) ông P, bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 thì lãi suất mà ông P, bà D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần Q1.

6. Trong trường hợp ông P, bà D không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp: Xe ô tô, nhãn hiệu DOTHANH, số loại: IZ65-TMB, màu: xanh, số khung: RPPMD17APKD002614, số máy JE493ZLQ433101880, biển số đăng ký 71H-003.71 theo hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 364263821 ngày 01/3/2021, ông P, bà D phải có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp. Trường hợp không xử lý được tài sản thế chấp hoặc xử lý tài sản thế chấp không đủ tiền để trả nợ cho Ngân hàng thì ông P, bà D phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ Ngân hàng cho đến khi dứt nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

7. Về án phí:

7.1. Các nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với sô tiền tổng cộng là 22.129.342 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.122.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số: 0009453 ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011117 ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Nguyễn Hữu P và bà Nguyễn Thị D còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 15.707.342 đồng.

7.2. Bị đơn bà Ngô Thị Ngọc T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.250.600 đồng.

7.3. Ngân hàng thương mại cổ phần Q1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.927.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004357 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

7.4. Ông Nguyễn Hoàng P1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

8. Trường hợp bà Ngô Thị Ngọc T1 với ông Nguyễn Hoàng T3 có tranh chấp về giao dịch dân sự cầm cố xe giữa các ông, bà, thì các ông, bà được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết thành một vụ án dân sự khác.

9. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hoàng T3 vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn